TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 192/2018/DS-PT
Ngày: 24/8/2018
V/v tranh chấp HĐ dân sự vay TS

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 10 và 24 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2018/TLPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2018/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 191/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Việt Thùy D, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Đặng Hồng Đức, Văn phòng Luật sư Đặng Hồng Đức, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

3. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1960; Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Ông T có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thị K là ông D Hoàng V, sinh năm 1965, địa chỉ: Ấp Nguyễn C, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền của bà K (theo Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2018). (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị K là bị đơn.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Lê Việt Thùy D trình bày:

Chị có cho ông T, bà K vay tiền theo 02 biên nhận ngày 17/8/2016, số tiền 250.000.000đ và biên nhận vay ngày 30/6/2017, số tiền 334.000.000đ. Biên nhận vay 250.000.000đ, ông T đã trả một số tiền gốc, còn nợ 66.000.000đ; Biên nhận vay 334.000.000đ chưa trả, tổng cộng là 400.000.000đ.

Ngày 11/9/2017, chị có nhận của ông T 100.000.000đ, số tiền này trả nợ gốc 66.000.000đ (nợ của biên nhận 250.000.000đ), còn lại 34.000.000đ trả cho biên nhận vay 334.000.000đ, như vậy ông T còn nợ 300.000.000đ.

Do ông T vay tiền về sử dụng mục đích kinh doanh chung vợ chồng, vì vậy chị yêu cầu bà K là vợ ông T có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả nợ gốc và lãi cho chị.

Chị D yêu cầu nếu ông T, bà K cùng trả nợ thì chị đồng ý chỉ nhận số tiền gốc 300.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Nếu bà K không đồng ý cùng ông T trả nợ thì chị yêu cầu ông T và bà K liên đới trả cho chị số tiền vay gốc là 300.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Chị đã nhận của ông T 5.000.000đ tiền lãi, chị đồng ý trừ vào tiền lãi, số nợ lãi còn lại thì yêu cầu ông T, bà K phải trả.

- Ông Dương Hoàng V, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị K trình bày:

Vào ngày 17/8/2016, ông T có vay của chị D số tiền 250.000.000đ để đáo nợ ngân hàng, lãi suất 5%/tháng, trước đây ông T cũng có vay của chị D nhiều lần tổng cộng số tiền 31.000.000đ (số tiền 31.000.000đ không có biên nhận); Như vậy ông T nợ chị D tổng cộng 281.000.000đ, nhưng không có biên nhận. Đến ngày 30/6/2017, chị D tính lãi với số tiền 53.000.000đ nên nợ gốc và lãi là 334.000.000đ, ông T đã làm biên nhận nhận nợ với chị D số tiền này vào ngày 30/6/2017.

Vào khoảng tháng 9 năm 2017, ông T trả cho chị D số tiền gốc 100.000.000đ, còn nợ gốc 234.000.000đ. Theo đơn khởi kiện của chị D ngày 02/11/2017, chị D đã nhận của ông T 34.000.000đ, vậy ông T còn nợ chị D 200.000.000đ, ông đồng ý trả nợ gốc và lãi cho chị D theo quy định của pháp luật.

Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2017 chị D khởi kiện yêu cầu ông T trả 300.000.000đ, không yêu cầu trả 250.000.000đ, vì số tiền này đã nhập vào biên nhận số tiền 334.000.000đ nên chị D chỉ khởi kiện đòi số tiền 334.000.000đ.

Bà K là vợ ông T cho rằng ông vay tiền của chị D thì bà không biết nên bà không đồng ý liên đới với ông T trả nợ cho chị D.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2018/DS-ST ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Việt Thùy D đối với ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị K.

Buộc ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị K chịu trách nhiệm liên đới phải trả cho chị Lê Việt Thùy D số tiền nợ gốc và nợ lãi là 358.054.600đ (ba trăm năm mươi tám triệu không trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày ngày án có hiệu lực pháp luật, chị D có đơn yêu cầu thi hành án mà ông T, bà K chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị K chịu trách nhiệm liên đới phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 17.903.000đ (Mười bảy triệu chín trăm không ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Việt Thùy D được nhận lại 7.736.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 02251 ngày 22/11/2017 và 1.650.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 02443 ngày 23/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tổng cộng là 9.386.000đ (Chín triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Ngày 03/5/2018, bị đơn ông Nguyễn Thành T kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình buộc ông trả số tiền 358.054.600đ, ông chỉ đồng ý trả 200.000.000 đồng và tính lãi theo quy định.

- Ngày 03/5/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị K kháng cáo không đồng ý liên đới với ông T trả nợ cho chị D, do ông T vay tiền bà Kiều không biết và cũng không ký tên vào biên nhận vay.

- Ngày 02/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình có kháng nghị số 02/KNPT-VKS-DS kháng nghị bản án sơ thẩm về phần bà K có trách nhiệm liên đới với ông T trả nợ cho chị D.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn chị Lê Việt Thùy D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị D trình bày: Ngày 17/8/2016, ông T có vay của chị số tiền 250.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc theo biên nhận này là 66.000.000 đồng, ngày 30/6/2017 ông T vay của chị số tiền 334.000.000 đồng, có viết biên nhận. Tổng cộng ông T nợ vốn gốc của 02 biên nhận là 400.000.000 đồng. Ngày 11/9/2017 ông T đã trả cho chị số tiền 100.000.000 đồng, còn nợ số tiền gốc 300.000.000 đồng, chị D yêu cầu ông T, bà Kiều liên đới trả cho chị số tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Chị đã nhận tiền lãi 5.000.000 đồng của ông T, chị đồng ý trừ số tiền 5.000.000 đồng này vào tiền lãi, số tiền còn lại thì vợ chồng ông T phải trả cho chị. Chị D giải thích đối với biên nhận cam kết ghi ngày 30/6/2017 nhưng thực tế là ghi sau đó khoảng 10 ngày, vì ngày 30/6/2017 ông T vay

334.000.000 đồng của chị ông T viết biên nhận hẹn khoảng 10 ngày trả, tuy nhiên do 10 ngày sau ông T vẫn không có tiền trả vốn cũng như trả lãi, cho nên ông T viết lại biên nhận nhưng ghi ngày 30/6/2017 để ông T không phải đóng lãi của 10 ngày này. Do ông T đã viết Biên nhận cam kết nên chị đã bỏ biên nhận ông T viết vào ngày 30/6/2017.

Đối với Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất không đúng về thời gian (dư thời gian) nên chị D đồng ý tính lại cho đúng thời gian. Vì vậy, ông T chỉ còn nợ chị D vốn 300.000.000 đồng, tiền lãi là 44.258.300 đồng. Tổng cộng 344.258.300 đồng.

+ Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: chị D yêu cầu ông T, bà Kiểu liên đới trả cho chị D số tiền vốn vay 300.000.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ. Thực tế chị D vẫn còn giữ 2 biên nhận số tiền 250.000.000 đồng ngày 17/8/2016 và 334.000.000 đồng ngày 30/6/2017 của ông T. Tuy nhiên, chị D vẫn thừa nhận ông T chỉ còn nợ biên nhận ngày 17/8/2016 số tiền 66.000.000 đồng và biên nhận ngày 30/6/2017 là 334.000.000 đồng, tổng cộng là 400.000.000 đồng. Ông T đã trả được số tiền 100.000.000 đồng nên yêu cầu ông T trả tiền vốn 300.000.000 đồng và lãi là phù hợp. Trong biên nhận ông T đã ghi lí do vay tiền để đáo nợ ngân hàng, nợ ngân hàng là nợ chung của vợ chồng nên việc chị D yêu cầu ông T, bà Kiểu liên đới trả số tiền vay cho chị D là 300.000.000 đồng và tiền lãi là phù hợp. Tại phiên tòa, ông T trình bày cấp sơ thẩm tính toán tiền lãi về thời gian chưa chính xác, việc này chị D cũng chấp nhận điều chỉnh lại cho đúng thời gian tính lãi suất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa phần tính lãi suất không đúng thời gian.

+ Bị đơn ông Nguyễn Thành T trình bày: Vào ngày 17/8/2016, ông có vay của chị D số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, có viết biên nhận. Ngoài ra, trước đó ông có vay của chị D nhiều lần và còn nợ số tiền 31.000.000 đồng (không có biên nhận). Tổng cộng ông còn nợ chị D số tiền vốn 281.000.000 đồng, đến ngày 30/6/2017, chị D tính lãi số tiền này là 53.000.000 đồng, cộng với vốn gốc 281.000.000 đồng, ông T còn nợ chị D số tiền 334.000.000 đồng, nên ông đã viết Biên nhận cam kết có nợ chị D số tiền 334.000.000 đồng, hẹn 2 tháng sau là 30/8/2017 trả. Sau đó ông đã trả cho chị D được 100.000.000 đồng, chỉ còn nợ 234.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông yêu cầu điều chỉnh lại lãi suất đối với tiền lãi trong biên nhận theo quy định của pháp luật, còn lại bao nhiêu ông đồng ý trả cho chị D.

+ Ông D Hoàng V đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý liên đới với ông T trả nợ cho chị D.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T xuất trình được các chứng cứ chứng minh biên nhận cam kết ngày 30/6/2017 là Biên nhận tổng kết các số nợ

trước đó. Tổng cộng là 334.000.000 đồng, ông T đã trả được 100.000.000 đồng, như vậy còn nợ tiền vốn là 234.000.000 đồng, đối với yêu cầu điều chỉnh lãi suất từ đầu, do ở Tòa án cấp sơ thẩm và đơn kháng cáo ông T không yêu cầu nên không xem xét. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của ông T, chấp nhận kháng cáo của bà Kiều, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, buộc ông T trả cho chị D 234.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Đối với bà Kiều, ông T vay tiền bà Kiều không biết và ông T không sử dụng cho mục đích sinh hoạt chung trong gia đình, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Kiều liên đới với ông T trả nợ là không đúng quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông T cho rằng ông không có nhận số tiền 334.000.000 đồng theo Biên nhận cam kết ngày 30/6/2017, mà thực tế ông viết biên nhận này để cam kết là ông có nợ chị D trong năm 2016 số tiền 31.000.000 đồng, 250.000.000 đồng theo biên nhận ngày 17/8/2016 và tiền lãi tính đến ngày 30/6/2017 là 53.000.000 đồng, tổng cộng là: 334.000.000 đồng. Để chứng minh ông T chỉ thiếu chị D số tiền vốn gốc là 281.000.000 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm ông T xuất trình chứng cứ là tờ giấy lịch do chị D ghi có nội dung "31TR (3 tháng) 3/11âl 4.650

250TR (2 tháng) 15/11âl 25.000"

Xét thấy, lời trình bày của ông T là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa chị D cũng thừa nhận, khi chị cho ông T vay tiền các lần trước đây, các biên nhận đều ghi nội dung tương tự: *"Biên nhận. Ngày tháng năm, tôi....có mượn của Thùy D.....Lý do..."*. Nhưng tại Biên nhận cam kết ngày 30/6/2017 của ông T lại ghi *"Hôm nay, ngày 30/6/2017 D lịch, tôi xin cam kết với Thùy D số tiền tôi có nợ là 334.000.000 đồng ...."*. Chị D thừa nhận tờ giấy này là chữ viết của chị, chị giải thích chữ "TR" nghĩa là "triệu", "âl" nghĩa là "âm lịch", "4.650" nghĩa là 4.650.000 đồng, "25.000" nghĩa là 25.000.000 đồng.

Điều này phù hợp với lời trình bày của ông T là do ông nợ chị D 02 khoản vay trước đó và tiền lãi là 334.000.000 đồng nên ngày 30/6/2017 ông T viết Biên nhận để cam kết với chị D là sẽ trả số tiền này trong 02 tháng (đến ngày 30/8/2017. Đối với chị D cho rằng chứng cứ ông T xuất trình là do chị viết nhưng chỉ là khoản vay trước đây đã xong từ lâu chị không còn nhớ, hoặc là viết tính lãi dùm ông T vì ông T cũng cho người khác vay. Xét lời trình bày của chị D không được ông T thừa nhận và chị D cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Như vậy, tổng cộng số tiền ông T vay của chị D còn nợ là 334.000.000 đồng, ông T đã trả cho chị D được 100.000.000 đồng vào ngày 11/9/2017, còn nợ lại số tiền 234.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông đồng ý trả cho chị D số tiền vốn gốc là 234.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Tuy nhiên ông T yêu cầu được điều chỉnh lãi từ đầu theo quy định của pháp

luật. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, ông T đồng ý trả cho chị D 234.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật và tại đơn kháng cáo ông T cũng không yêu cầu điều chỉnh lại lãi suất, vì vậy yêu cầu này vượt quá yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, ông T thừa nhận đến ngày 30/6/2017 còn nợ chị D số tiền 334.000.000 đồng, ngày 11/9/2017 trả được cho chị D số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền vốn là 234.000.000 đồng, do đó ông T phải trả cho chị D số tiền vốn gốc là 234.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật (0,83%) đến khi xét xử sơ thẩm, cụ thể như sau:

- Từ 30/6/2017 đến ngày 11/9/2017 (ngày trả 100.000.000 đồng) là 2 tháng 11 ngày: 334.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 2 tháng 11 ngày = 6.561.000 đồng (tính tròn số).

- Từ 12/9/2017 đến ngày 22/3/2018 là 06 tháng 10 ngày: 234.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 06 tháng 10 ngày = 17.557.000 đồng (tính tròn).

Như vậy, ông T phải trả cho chị D số tiền gốc và lãi là: 234.000.000 đồng + 6.561.000 đồng + 17.557.000 đồng = 258.118.000 đồng.

Ngoài ra tại phiên tòa sơ thẩm, chị D thừa nhận có nhận của ông T số tiền lãi là 5.000.000 đồng, nên được khấu trừ vào số tiền lãi ông T phải trả cho chị D là: 258.118.000 đồng – 5.000.000 đồng = 253.118.000 đồng.

[2] Xét kháng cáo của bà Kiểu cho rằng, ông T vay tiền bà không biết, bà cũng không có ký tên trong biên nhận nợ, nên bà không đồng ý liên đới với ông T trả nợ cho chị D. Xét kháng cáo của bà Kiểu là có cơ sở để chấp nhận. Bởi vì, tại phiên tòa phúc thẩm, chị D cũng thừa nhận là trước đây ông T, bà Kiểu cũng có vay của chị nhiều lần, vợ chồng ông T, bà Kiểu đều có ký tên vào các biên nhận của chị (chị D xuất trình biên nhận ngày 25/6/2010 và 20/6/2011 bà Kiểu có ký tên). Nhưng các biên nhận ngày 17/8/2016 và ngày 30/6/2017 mà chị D khởi kiện đều không có bà Kiểu ký tên, chị D cho rằng vì là hàng xóm, đã cho vay nhiều lần nên chị cũng tin tưởng. Chị trình bày chị cho ông T vay để đáo nợ ngân hàng của vợ chồng nên vợ chồng ông T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho chị. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, ông T trình bày ông vay 250.000.000 đồng của chị D để cho bạn ông là Nguyễn Văn Nữa và Nguyễn Thanh Hoa vay lại (có biên nhận ngày 17/8/2016). Như vậy, chứng minh được ông T vay tiền của chị D không phải để mang về sử dụng chung trong gia đình, nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình ông T.

Tại Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân gia đình quy định:

Điều 27. Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng

1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.

Điều 30. Quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình

1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Điều 37. Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng

Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

1……

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;

…..”

Do đó, chấp nhận kháng cáo của bà Kiều, bà Kiều không phải liên đới với ông T để trả nợ cho chị D.

[3] Từ những nhận định trên, xét Luật sư đề nghị sửa phần tiền lãi suất Tòa án cấp sơ thẩm cho đúng về thời gian, còn lại giữ án sơ thẩm buộc ông T, bà Kiều liên đới trả số tiền vốn vay gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi cho chị D là không có cơ sở.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình về phần bà Kiều có trách nhiệm liên đới với ông T trả nợ cho chị D. Như đã phân tích ở phần kháng cáo của bà Kiều, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình là có căn cứ nên chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận kháng cáo của ông T, chấp nhận kháng cáo của bà Kiều, sửa án sơ thẩm: Không buộc bà Kiều liên đới với ông T trả nợ cho chị D. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông T, chấp nhận kháng cáo của bà Kiều và chấp nhận kháng nghị của VKSND huyện Thanh Bình, sửa bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Do không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị D nên căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS, chị D phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận.

344.258.300 đồng - 253.118.000 đồng = 91.140.300 đồng x 5% = 4.557.000 đồng.

Do ông T phải trả cho chị D số tiền 253.118.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 253.118.000 đồng x 5% = 12.655.900 đồng.

Do Bản án sơ thẩm bị sửa, nên ông T, bà Kiểu không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành T.

- Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kiểu.

- Chấp nhận kháng nghị số 02/KNPT-VKS-DS ngày 02/5/2018 của VKSND huyện Thanh Bình.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Việt Thùy D.

2. Buộc ông Nguyễn Thành T trả cho chị Lê Việt Thùy D số tiền nợ gốc và nợ lãi là 253.118.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, chị D có đơn yêu cầu thi hành án mà ông T chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lê Việt Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.557.000 đồng, khấu trừ 7.736.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 02251 ngày 22/11/2017 và 1.650.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 02443 ngày 23/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, chị D được nhận lại số tiền 4.829.000 đồng.

- Ông Nguyễn Thành T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.655.900 đồng.

- Ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Thị Kiểu không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 00002569 ngày 04/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- TAND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (Hồng).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phước Hội – Lê Thị Trúc Phương **Nguyễn Thị Thanh**

Đối với chị Trang thừa nhận chị Linh có tham gia chơi 2 dây hụi do chị làm chủ hụi. Tuy nhiên, chị Trang không thống nhất số tiền mà chị Linh yêu cầu chị chỉ đồng ý trả số tiền hụi gốc mà chị Linh đã nộp tổng cộng trong 2 dây hụi là 21.860.000đồng và số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bà Từ Cẩm Liên phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 512.500đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 06150 ngày 14/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Bà Từ Cẩm Liên được nhận lại 312.500đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai trên.

Từ ngày 04/02/2005 đến ngày 04/12/2008 tiền lãi là 10.000.000đ x 0.75% x 46 tháng = 3.450.000đ. Lãi đã nhận còn dư là 5.000.000đ – 3.450.000đ = 1.550.000đ được trừ vào vốn 10.000.000đ. Vậy vốn còn 8.450.000đ. Lãi từ ngày 04/12/2008 đến ngày 04/3/2017 là 8.450.000đ x 0.75% x 99 tháng = 6.274.000đ. Tổng cộng vốn và lãi gồm: 8.450.000đ + 6.274.000đ = 14.724.000đ. Nên chỉ chấp nhận 1 phần kháng cáo của anh Vinh về một phần lãi suất.

TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH D**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 55 phút, ngày 09 tháng 3 năm 2017.

Tại phòng nghị án hội trường C Tòa án nhân dân tỉnh Bình D.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 192/2016/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2016 về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất)" giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Lộc, sinh năm 1960; địa chỉ thường trú: Số 17/7 khu phố Đông A, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình D; địa chỉ tạm trú: Số 12/1 khu phố Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu Lộc: Ông Nguyễn Doãn Hải, Luật sư của Công ty Luật Hợp danh Nam Việt Luật, Đoàn Luật sư tỉnh Bình D.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Hoàng Trần Thanh Ngọc, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 6 đường Trần Hưng Đạo, khu phố Đông A, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình D.

2.2. Ông Trần Ngọc Hoàng, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 6A đường Trần Hưng Đạo, khu phố Đông A, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình D (có đơn xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Ngọc Giao, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 6 đường Trần Hưng Đạo, khu phố Đông A, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình D.

3.2. Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình D; địa chỉ: Trung tâm hành chính thị xã Dĩ An, tỉnh Bình D (có đơn xin vắng mặt).

3.3. Ông Phan Thanh Tùng, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 17/7 khu phố Đông A, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình D (có đơn xin vắng mặt).

3.4. Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 6A đường Trần Hưng Đạo, khu phố Đông A, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình D (có đơn xin vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Lộc.

2. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 28/2016/KNPT-DS ngày 21/9/2016 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình D.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2016/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình D.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu Lộc phải nộp 200.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0018601 ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình D.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 20 phút, ngày 09 tháng 3 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây:

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Tài	**Nguyễn Thị Duyên Hằng**	**Đào Minh Đa**